

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - CTCK)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - CTCK)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - CTCK)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Công ty được cấp Giấy phép thành lập số 71/UBCK-GP, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 255 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo Giấy phép thành lập là 200 tỷ đồng Việt Nam.

Hội đồng Quản trị

Thành viên của Hội đồng quản trị được bổ nhiệm theo biên bản họp ngày 18 tháng 7 năm 2007 bao gồm:

Ông Lâm Hoàng Lộc	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tâm	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền	Ủy viên
Ông Ong Cheow Kheng	Ủy viên
Ông Ong Seng Gee	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính đầu tiên và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Minh Tâm	Tổng Giám đốc
-----------------	---------------

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát được bổ nhiệm theo biên bản họp ngày 18 tháng 7 năm 2007 bao gồm:

Ông Phạm Thành Tiến
Ông Tan Pei-San
Ông Jason Foo (từ chức ngày 12 tháng 2 năm 2010)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày đó. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Chúng tôi, ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 21. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc ở ngày đó phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 1 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam (“Công ty”) được ban giám đốc Công ty phê duyệt ngày 1 tháng 3 năm 2010. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 21.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

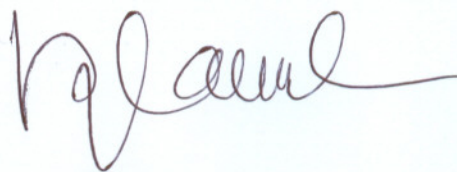
Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Nam
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2410
Ngày 1 tháng 3 năm 2010

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN		428.121	127.064
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	30.973	8.960
1	Tiền		10.973	5.960
2	Các khoản tương đương tiền		20.000	3.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	130.522	105.967
1	Đầu tư ngắn hạn		130.522	105.967
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		264.236	9.780
1	Phải thu khách hàng		1.340	4.635
2	Trả trước cho người bán		260.655	173
5	Các khoản phải thu khác		4.161	4.972
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.920)	-
V	Tài sản ngắn hạn khác		2.390	2.357
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		789	868
2	Thuế GTGT được khấu trừ		-	114
4	Tài sản ngắn hạn khác		1.601	1.375
B	TÀI SẢN DÀI HẠN		25.014	76.287
II	Tài sản cố định		23.347	27.381
1	Tài sản cố định hữu hình	5(a)	15.876	18.926
	Nguyên giá		26.352	23.262
	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.476)	(4.336)
3	Tài sản cố định vô hình	5(b)	7.471	7.809
	Nguyên giá		11.279	9.542
	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.808)	(1.733)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5(c)	-	646
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	-	47.541
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	47.541
	- Chứng khoán sẵn sàng để bán		-	1.085
	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	46.456
V	Tài sản dài hạn khác		1.667	1.365
1	Chi phí trả trước dài hạn	6	355	1.245
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		986	-
3	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		326	120
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		453.135	203.351

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
A	NỢ PHẢI TRẢ		232.623	8.284
I	Nợ ngắn hạn		232.218	8.081
1	Vay ngắn hạn		2.372	-
2	Phải trả người bán		148	974
3	Người mua trả tiền trước		470	205
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7	7.829	158
5	Phải trả nhân viên		15	-
6	Chi phí phải trả	8	8.352	1.358
7	Phải trả nội bộ		50	8
8	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		107.595	5.281
9	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.439	53
11	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		103.948	44
II	Nợ dài hạn		405	203
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		405	203
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU		220.512	195.067
I	Vốn chủ sở hữu		220.512	195.067
1	Vốn góp của chủ sở hữu	9	200.000	200.000
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	(3.250)
8	Quỹ dự phòng tài chính		1.526	-
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.026	-
10	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối		16.960	(1.683)
II	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		453.135	203.351



Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng

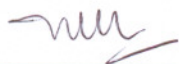


Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 1 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Niên độ kết 31.12.2009 Triệu đồng	Giai đoạn
			từ 14.12.2007 đến 31.12.2008 Triệu đồng
1	Doanh thu	122.482	30.114
	<i>Trong đó:</i>		
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	64.371	4.201
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	6.057	2.626
	Doanh thu hoạt động tư vấn	843	537
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	16	70
	Doanh thu sử dụng vốn	45	
	Doanh thu khác	51.150	22.680
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	122.482	30.114
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	10 (55.629)	(12.557)
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	66.853	17.557
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11 (29.171)	(19.216)
7	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	37.682	(1.659)
8	Thu nhập khác	12 1.019	14
9	Chi phí khác	12 (22)	(38)
10	Thu nhập/(chi phí) khác – Số thuần	997	(24)
11	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	38.679	(1.683)
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	13 (7.470)	-
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	13 986	-
14	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	32.195	(1.683)



Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng

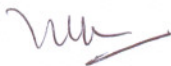


Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 1 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Niên độ kết thúc	Giai đoạn
		31.12.2009 Triệu đồng	từ 14.12.2007 đến 31.12.2008 Triệu đồng
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	15.527.241	5.013
2	Tiền chi hoạt động kinh doanh	(15.437.423)	(18.959)
3	Tiền chi nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	(202)	(120)
4	Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	36.651.676	4.965.499
5	Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	(36.625.623)	(4.959.928)
8	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	(22.224)	(5.409)
9	Tiền chi trả cho người lao động	(20.404)	(9.747)
10	Tiền chi trả lãi vay	(5.633)	(70)
12	Tiền thu hoạt động kinh doanh	337.069	14
13	Tiền chi khác	(438.819)	(36)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(34.342)	(23.743)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.957)	(31.866)
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(164.000)	(134.456)
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	104.216	(51.352)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	29.050
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	11.680	21.321
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(51.061)	(167.303)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	200.000
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	342.339	-
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	(224.934)	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(10.000)	-
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	107.405	200.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm/giai đoạn	22.002	8.954
	Tiền và tương đương tiền đầu năm/giai đoạn	3 8.960	-
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	11	6
	Tiền và tương đương tiền cuối năm/giai đoạn	3 30.973	8.960



Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 127 nhân viên (2008: 81 nhân viên).

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo quy ước giá gốc có bổ sung các khoản đầu tư giữ để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo triệu đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản đầu tư**(a) Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn ban đầu được ghi nhận theo giá mua thực tế. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá vốn trừ dự phòng. Dự phòng được lập khi có sự suy giảm giá trị của chứng khoán và được ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Cổ tức được hưởng từ các khoản đầu tư chứng khoán vốn trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Tiền lãi hưởng được từ các đầu tư chứng khoán nợ được ghi nhận giảm trừ vào giá vốn cho phần lãi được hưởng cho giai đoạn trước ngày đầu tư chứng khoán và ghi nhận vào thu nhập đầu tư cho phần lãi được hưởng kể từ ngày đầu tư.

Các hợp đồng mua lại và bán lại (hợp đồng Repo)

Các giao dịch chứng khoán liên quan đến việc bán chứng khoán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định, với một giá cụ thể trong tương lai được gọi là hợp đồng mua lại. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí, và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các giao dịch chứng khoán liên quan đến việc mua chứng khoán đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định, với một mức giá cụ thể trong tương lai được ghi nhận vào các khoản đầu tư ngắn hạn trong bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

(b) Đầu tư dài hạn

Đầu tư sẵn sàng để bán

Các khoản đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu và sẽ được chuyển sang báo cáo kết quả kinh doanh khi bán các khoản đầu tư này.

2.6 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(b) Đầu tư dài hạn (tiếp theo)

Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá mua. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng lãi suất hữu hiệu.

Cổ tức được hưởng từ các khoản đầu tư chứng khoán vốn trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Tiền lãi hưởng được từ các đầu tư chứng khoán nợ được ghi nhận giảm trừ vào giá vốn cho phần lãi được hưởng cho giai đoạn trước ngày đầu tư chứng khoán và ghi nhận vào thu nhập đầu tư cho phần lãi được hưởng kể từ ngày đầu tư.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nâng cấp văn phòng thuê	3-6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm vi tính	5 năm

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8 Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, phí đào tạo, chi phí chuyển dịch địa điểm và chi phí quảng cáo. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ trong vòng 2 năm từ khi bắt đầu hoạt động.

2.9 Chi phí vay

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp kết quả hợp đồng không chắc chắn, doanh thu chỉ được ghi nhận trên phần chi phí thu hồi lại.

Thu nhập từ kinh doanh

Thu nhập từ kinh doanh được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

2.11 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

2.12 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.13 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ - pháp lý hoặc liên đới - hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.14 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoảng thời gian làm việc cho Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Khoản dự phòng được tính bằng nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc của người lao động tại Công ty, dựa trên mức lương tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

2.15 Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận và các quỹ*Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được đại hội cổ đông chấp thuận và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập hàng năm với mức 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 10% vốn góp điều lệ theo quyết định 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành áp dụng cho các công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập nhằm bảo toàn hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thua lỗ trong kinh doanh hoặc dự phòng cho lỗ hoặc tổn thất do các nguyên nhân khách quan.

Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ

Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ được trích lập hàng năm với mức 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 10% vốn góp điều lệ theo quyết định 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành áp dụng cho các công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập để sử dụng vào việc mở rộng kinh doanh hoặc bổ sung vốn điều lệ đã góp.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Tiền mặt	51	19
Tiền gửi ngân hàng	275	370
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	10.647	5.571
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000	3.000
	<u>30.973</u>	<u>8.960</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

	Giá sổ sách Triệu đồng	31.12.2009		Giá trị thị trường Triệu đồng	Chênh lệch Triệu đồng
		So với giá trị thị trường			
		Tăng Triệu đồng	Giảm Triệu đồng		
Đầu tư ngắn hạn	514	8	-	522	8
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	130.000	-	-	130.000	-
	<u>130.514</u>	<u>8</u>	<u>-</u>	<u>130.522</u>	<u>8</u>

(b) Các khoản đầu tư dài hạn

Tất cả các khoản đầu tư sẵn sàng để bán và giữ đến ngày đáo hạn mang sang từ năm 2008 đã được bán trong năm 2009. Công ty không có thêm khoản đầu tư dài hạn nào trong năm 2009.

5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp thuê văn phòng Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị quản lý Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	7.410	13.021	1.933	898	23.262
Mua trong năm	476	2.359	-	282	3.118
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	28	28
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>7.886</u>	<u>15.380</u>	<u>1.933</u>	<u>1.152</u>	<u>26.352</u>
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	926	3.001	240	169	4.336
Khấu hao trong năm	2.062	3.570	322	186	6.139
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>2.988</u>	<u>6.571</u>	<u>563</u>	<u>355</u>	<u>10.476</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	<u>6.484</u>	<u>10.020</u>	<u>1.693</u>	<u>729</u>	<u>18.926</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u><u>4.898</u></u>	<u><u>8.810</u></u>	<u><u>1.371</u></u>	<u><u>797</u></u>	<u><u>15.876</u></u>

5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

**Phần mềm vi tính
Triệu đồng**

Nguyên giá

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	9.542
Mua trong năm	1.019
Chuyển từ công trình xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 5(c))	718
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	11.279
	<hr/>

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	1.733
Khấu hao trong năm	2.075
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	3.808
	<hr/>

Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	7.809
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	7.471
	<hr/>

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

**2009
Triệu đồng**

Số dư đầu kỳ	646
Tăng	72
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(718)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-
	<hr/>

6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Số dư đầu kỳ	1.245	-
Tăng	450	1.660
Phân bổ trong kỳ	(1.340)	(415)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	355	1.245
	<hr/>	<hr/>

Chi phí phải trả dài hạn là tổng chi phí trước hoạt động và nâng cấp văn phòng được phân bổ trong vòng 2 năm.

7 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Thuế bán hàng nội địa	24	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	7.470	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	177	158
Thuế khác	158	-
	<u>7.829</u>	<u>158</u>

8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2009 Triệu đồng	2008 Triệu đồng
Lương tháng 13 và thưởng	5.394	745
Chi phí kiểm toán và tư vấn	-	144
Chi phí giao dịch chứng khoán	1.771	159
Khác	1.187	310
	<u>8.352</u>	<u>1.358</u>

9 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số đầu kỳ Triệu đồng	Tăng Triệu đồng	Giảm Triệu đồng	Số cuối kỳ Triệu đồng
I Vốn chủ sở hữu				
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000	-	-	200.000
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(3.250)	3.250	-	-
8 Quỹ dự phòng tài chính	-	1.526	-	1.526
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	2.026	-	2.026
10 Lãi/(lỗ) lũy kế	(1.683)	32.195	(13.552)	16.960
	<u>195.067</u>	<u>38.997</u>	<u>(13.552)</u>	<u>220.512</u>

10 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Niên độ kết thúc 31.12.2009 Triệu đồng	Giai đoạn từ 14.12.2007 đến 31.12.2008 Triệu đồng
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	24.228	1.584
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	1.610	300
Chi phí về vốn kinh doanh	-	102
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	226	50
Chi phí khác trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	29.565	10.521
	<u>55.629</u>	<u>12.557</u>

11 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Niên độ kết thúc 31.12.2009 Triệu đồng	Giai đoạn từ 14.12.2007 đến 31.12.2008 Triệu đồng
Khấu hao tài sản cố định	6.574	3.905
Chi phí nhân viên	9.626	6.077
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	94	95
Chi phí công cụ, đồ dùng	578	650
Thuế, phí, lệ phí	16	5
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.283	8.484
	<u>29.171</u>	<u>19.216</u>

12 THU NHẬP/(CHI PHÍ) KHÁC

	Niên độ kết thúc 31.12.2009 Triệu đồng	Giai đoạn từ 14.12.2007 đến 31.12.2008 Triệu đồng
Thu nhập khác	1.019	14
Chi phí khác	(22)	(38)
Thu nhập/(chi phí) khác – Số thuần	<u>997</u>	<u>(24)</u>

13 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)

Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% dựa trên thu nhập chịu thuế ước tính.

	2009
	Triệu đồng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.679
Thuế tính ở thuế suất 25%	9.670
Điều chỉnh:	
Chi phí không được khấu trừ	10
Ảnh hưởng của thay đổi mức thuế suất lên thuế hoãn lại trong năm 2009	(295)
Giảm thuế (*)	(2.901)
	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.484
	<hr/> <hr/>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

(*) Ngày 13 tháng 1 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 03/2009/TT-BTC về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cho cả năm 2009 cho những doanh nghiệp vừa và nhỏ, theo đó những doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp cho cả năm 2009. Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC, Công ty cho rằng mình đã đủ điều kiện của một doanh nghiệp vừa và nhỏ, vì vậy Công ty đã áp dụng mức giảm thuế 30% cho năm 2009.

14 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Kim Eng Holdings Singapre do chiếm 49%.

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu phí giao dịch chứng khoán và phí xác nhận

	Niên độ kết thúc	Giai đoạn
	31.12.2009	từ 14.12.2007 đến 31.12.2008
	Triệu đồng	Triệu đồng
Các công ty thành viên thuộc tập đoàn		
Kim Eng Securities Pte.Ltd-Trust	59	24
Kim Eng Securities (Thailand) Public	13	14
Các bên liên quan khác	40	24
	<hr/>	<hr/>
	112	62
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

14 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

ii) Phí tư vấn

	Niên độ kết thúc 31.12.2009 Triệu đồng	Giai đoạn từ 14.12.2007 đến 31.12.2008 Triệu đồng
Kim Eng Securities Pte.Ltd	161	-
	<u>161</u>	<u>-</u>

iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	Niên độ kết thúc 31.12.2009 Triệu đồng	Giai đoạn từ 14.12.2007 đến 31.12.2008 Triệu đồng
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.559	1.310
	<u>1.559</u>	<u>1.310</u>

iv) Giao dịch giữ các bên liên quan

	Niên độ kết thúc 31.12.2009 Triệu đồng	Giai đoạn từ 14.12.2007 đến 31.12.2008 Triệu đồng
Chi phí được trả hộ bởi Kim Eng Securities Pte. Ltd	49	-
Chi phí được trả hộ bởi Kim Eng Reasearch Pte. Ltd	16	-
Chi phí công ty trả hộ cho Kim Eng Securities Pte. Ltd	101	-
	<u>166</u>	<u>-</u>

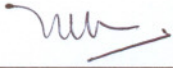
(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	31.12.2009 Triệu đồng	31.12.2008 Triệu đồng
Phải trả Kim Eng Holdings Sinagpore	50	8
	<u>50</u>	<u>8</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

Mẫu số B 09 – CTCK

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 1 tháng 3 năm 2010.



Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc